

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 15 /2024/NQ-HĐND

Vĩnh Long, ngày 10 tháng 12 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công
tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý,
sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của
Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn
vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày
26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một
số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Xét Tờ trình số 242/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban
nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định thẩm quyền quản lý, sử dụng
tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh
Long; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý
kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định thẩm quyền quản
lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của
tỉnh Vĩnh Long**

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
4. Hiệu lực thi hành
 - a) Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long Khóa X, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 20 tháng 12 năm 2024.
 - b) Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 120/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long ban hành Quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh Vĩnh Long;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Văn Nghiêm



QUY ĐỊNH

Thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long

(Kèm theo Nghị quyết số 15../2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công (Bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long, gồm: thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, khai thác, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác theo quy định của pháp luật về quản lý sử dụng tài sản công.

2. Quy định này không áp dụng đối với việc mua sắm tài sản của các nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đối với nguồn kinh phí thuộc phạm vi địa phương quản lý và tài sản thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin và các dịch vụ khác của hoạt động công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.

3. Việc quản lý, sử dụng tài sản công tại Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị thuộc Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện theo Nghị định số 165/2017/NĐ - CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp của Đảng Cộng sản Việt Nam và theo phân cấp tại Quyết định số 912-QĐ/TU ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Trừ trường hợp điều chuyển tài sản giữa Văn phòng Tỉnh ủy các đơn vị trực thuộc với Ủy ban nhân dân tỉnh).

4. Ngoài các nội dung nêu tại quy định này, các nội dung khác về quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước, gồm: Sở, ban, ngành; Chi cục và các cơ quan tương đương thuộc Sở; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (Cấp huyện);

Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (Cấp xã); cơ quan chuyên môn và các cơ quan tương đương thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện (gọi chung là cơ quan).

2. Văn phòng huyện ủy, thị ủy, thành ủy (Gọi tắt là Văn phòng huyện ủy) là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện; Tổ chức chính trị - xã hội (Bao gồm cơ quan Mặt trận tổ quốc Việt Nam), tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội (gọi chung là tổ chức).

3. Đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân (Công an, Bộ chỉ huy quân sự) sử dụng nguồn kinh phí từ ngân sách tỉnh hỗ trợ để mua sắm tài sản phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật (Gọi chung là đơn vị).

4. Doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 3. Tài sản công là đối tượng thực hiện quản lý, sử dụng

1. Nhà làm việc, công trình sự nghiệp và tài sản khác trên đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; quyền sử dụng đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (gọi tắt là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp).

2. Xe ô tô phục vụ chức danh, xe phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

3. Tài sản khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng tài sản công

1. Việc quản lý, sử dụng tài sản công để đảm bảo việc được thực hiện theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các quy định pháp luật có liên quan. Quy định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan, tổ chức, đơn vị và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội và tình hình thực tế.

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị quyết định theo thẩm quyền và chịu trách nhiệm về quyết định của mình trong thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

3. Tài sản công được đầu tư, mua sắm, trang bị và sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức, chế độ, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí. Việc quản lý, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; mọi hành vi vi phạm chế độ quản lý, sử dụng tài sản công phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ VÀ TÀI SẢN CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 5. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (Bao gồm tài sản công là vật tiêu hao)

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính trong các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác gắn liền với đất (Sau đây gọi tắt là nhà, đất);

b) Xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh (Trường hợp mua sắm tập trung);

c) Tài sản khác có giá trị dự toán mua sắm từ 1 tỷ đồng trở lên /01 đơn vị tài sản hoặc một gói thầu (Trừ quy định tại khoản 4 Điều này).

2. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp 1) quyết định mua sắm đối với:

a) Tài sản khác có giá trị dự toán mua sắm dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao cho cơ quan mình quản lý và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm;

b) Tài sản khác có giá trị dự toán mua sắm từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu cho các cơ quan trực thuộc, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý trong phạm vi dự toán đã được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc nguồn kinh phí được phép sử dụng và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm;

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định mua sắm tài sản có giá trị dự toán mua sắm từ 200 triệu đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu thuộc phạm vi quản lý của địa phương theo đúng tiêu chuẩn, định mức và các chế độ quy định trên cơ sở đề nghị của cơ quan, tổ chức, đơn vị và đề xuất của Phòng Tài chính – Kế hoạch, trừ quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều này.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định mua sắm tài sản công (Bao gồm tài sản công là vật tiêu hao), trừ quy định tại điểm a, b khoản 1, Điều này theo tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm.

5. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng dự toán ngân sách các cấp quyết định mua sắm tài sản có giá trị dự toán mua sắm dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản hoặc gói thầu từ nguồn kinh phí được giao trong dự toán đầu năm trên cơ sở tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định (Trừ các tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này) và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục mua sắm.

6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định mua sắm tài sản công (Bao gồm tài sản công là vật tiêu hao) trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan, không thực hiện theo Quy định này.

7. Việc mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung thực hiện theo quy định và hướng dẫn của pháp luật hiện hành.

8. Việc mua sắm tài sản công tại các khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều này phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục mua sắm theo quy định của Luật Đấu thầu.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công

1. Thẩm quyền quyết định thuê trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác có giá dự toán thuê từ 1 tỷ đồng trở lên để phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi toàn tỉnh (Trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thuê tài sản là trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp và tài sản khác có giá dự toán thuê dưới 1 tỷ đồng để phục vụ hoạt động cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc dự toán ngân sách cấp huyện (Trừ quy định tại khoản 3 Điều này).

2. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công khác trừ quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp 1) căn cứ tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê tài sản công phục vụ cho đơn vị mình và các tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý đối với tài sản có giá dự toán thuê từ 200 triệu đến dưới 1 tỷ đồng và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục thuê tài sản theo quy định, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng dự toán ngân sách các cấp căn cứ tiêu chuẩn, định mức và chế độ quy định, dự toán ngân sách được giao hàng năm quyết định thuê tài sản công phục vụ cho đơn vị đối với tài sản có giá

dự toán thuê dưới 200 triệu đồng và tự chịu trách nhiệm về hồ sơ, trình tự, thủ tục thuê tài sản theo quy định;

3. Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của đơn vị.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị; tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính.

2. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản khác (Trừ quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công thuộc địa phương quản lý (Theo tiêu chuẩn, định mức quy định) trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính gồm các trường hợp sau:

a) Trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp bao gồm các trường hợp điều chuyển giữa Văn phòng Tỉnh ủy và các đơn vị dự toán trực thuộc Văn phòng Tỉnh ủy với các cơ quan, tổ chức, đơn vị khác sau khi có ý kiến thống nhất của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

b) Xe ô tô phục vụ chức danh, xe ô tô phục vụ công tác chung, xe ô tô chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp 1) theo đề nghị của đơn vị sử dụng tài sản đối với tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản khác giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công khác giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

5. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định điều chuyển tài sản công trong nội bộ của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý sau khi có văn bản thống nhất của Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện (Trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này).

Điều 9. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản gồm xe ô tô công; quyết định giá trị tài sản gắn liền với đất trước khi bán trụ sở làm việc theo đề nghị của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản bán trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính.

3. Giám đốc Sở Tài chính quyết định bán tài sản công (Trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) theo đề nghị của cơ quan cấp tỉnh đối với các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

4. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản hình thành từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (Trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô).

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (Đơn vị dự toán cấp 1) quyết định bán tài sản (Trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản, việc quyết định bán tài sản phải có văn bản thống nhất của Sở Tài chính.

6. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định bán tài sản thuộc thẩm quyền quản lý (Trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của các phòng, ban cấp huyện và trên cơ sở đề xuất của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

7. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng dự toán ngân sách các cấp quyết định bán tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý (Trừ tài sản quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên.

8. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định bán tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình quản lý (Trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 4

Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản sau khi thống nhất bằng văn bản của Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện.

9. Việc bán tài sản công được thực hiện theo Luật Đấu giá tài sản, việc bán tài sản công theo hình thức niêm yết và theo hình thức chỉ định thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 27 được sửa đổi theo khoản 18, khoản 19 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 10. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là tài sản cố định

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý đối với tài sản công gồm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; xe ô tô công theo đề nghị của các cơ quan cấp tỉnh trên cơ sở đề xuất của Giám đốc Sở Tài chính.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng trở lên/01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh (đơn vị dự toán cấp 1) quyết định thanh lý tài sản thuộc phạm vi quản lý (Trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này) có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thanh lý tài sản thuộc thẩm quyền quản lý tại địa phương có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 200 triệu đồng đến dưới 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản theo đề nghị của các cơ quan cấp huyện trên cơ sở đề xuất của Phòng Tài chính – Kế hoạch.

5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng dự toán các cấp; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 200 triệu đồng/01 đơn vị tài sản thuộc phạm vi quản lý.

Điều 11. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

Người có thẩm quyền quyết định đầu tư mua sắm thì có thẩm quyền quyết định tiêu hủy đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

Đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị bị mất, bị hủy hoại do thiên tai, hỏa hoạn hoặc do nguyên nhân khách quan khác thì người thẩm quyền quyết định đầu tư, mua sắm có thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý.

Điều 13. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định khai thác tài sản công là nhà ở công vụ, quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng, cơ sở dữ liệu, tài

sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất xây dựng trụ sở cơ quan; phòng truyền thống cơ quan có giá trị nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 1 tỷ đồng/01 đơn vị tài sản (Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này).

2. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao trực tiếp quản lý, sử dụng tài sản công quyết định khai thác tài sản công và các tài sản khác trừ tài sản quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên quyết định khai thác tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 41c Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được bổ sung theo khoản 37 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 14. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: Giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý; bán thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước về: Giao, điều chuyển tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, dự án thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; bán, thanh lý, tiêu hủy; xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với dự án của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chương III
CÔNG KHAI, BÁO CÁO TÀI SẢN CÔNG

Điều 15. Công khai tình hình quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công phải công khai việc đầu tư xây dựng, mua sắm, giao, thuê tài sản, tình hình sử dụng, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, tiêu hủy và các hình thức xử lý khác đối với tài sản công, gồm: Đất thuộc trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; nhà, công trình xây dựng; phương tiện giao thông vận tải; tài sản khác đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định theo quy định tại các Điều 121 đến Điều 124 của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

Điều 16. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, xử lý đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện hạch toán với tất cả tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, và báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công của năm trước đối với tất cả tài sản nhà nước được giao quản lý, sử dụng.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công không thực hiện báo cáo hoặc báo cáo không đúng thời hạn, cơ quan Sở Tài chính có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm đình chỉ thanh toán các khoản chi phí liên quan đến tài sản phải báo cáo và không bố trí kinh phí mua sắm tài sản cố định vào dự toán ngân sách năm sau của cơ quan đó; người đứng đầu cơ quan được giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ

Điều 17. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong việc quản lý, sử dụng tài sản công theo quy định

1. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện có trách nhiệm:

a) Xây dựng quy chế quản lý, sử dụng đối với tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị. Quy định rõ trách nhiệm của bộ phận được giao quản lý, sử dụng tài sản. Đồng thời, chỉ đạo tổ chức việc quản lý, sử dụng tài sản công một cách tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy định. Thực hiện việc đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm, thuê, thanh lý, bán, điều chuyển, khai thác, tiêu hủy và xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị theo đúng Quy định này và các quy định khác có liên quan.

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ về quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn, định mức, điều kiện, phương thức, trình tự thủ tục, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản pháp luật có liên quan.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc thực hiện quản lý, sử dụng tài sản công tại quy định này và các quy định có liên quan. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh kịp thời báo cáo đề xuất gửi về Sở Tài chính để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Điều 18. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các trường hợp đề nghị mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, khai thác, tiêu hủy tài sản công, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, hủy hoại và các hình thức xử lý tài sản công khác đã trình cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo Nghị quyết số 120/2018/NĐ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Vĩnh Long; các trường hợp đang lập, trình thẩm định hoặc đã thẩm định nhưng chưa trình cấp có thẩm quyền phê duyệt thì thực hiện theo quy định tại Quy định này.